

Bản án số: 52/2018/HS-PT
Ngày 06-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử P thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Triển.

Các Thẩm phán:

- + Ông Nguyễn Quốc Tuấn;
- + Bà Nguyễn Thị Thúy Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 51/2018/TLPT-HS ngày 24 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo Lâm Văn T, Nguyễn Minh V do có kháng cáo của hai bị cáo và bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số: 09/2018/HS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Các bị cáo có kháng cáo:

+ Lâm Văn T, sinh ngày 14-01-2000, tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Tổ T1, ấp T2, xã T3, huyện T4, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Phụ giúp gia đình; trình độ văn hóa: 10/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn B, sinh năm 1976 và bà Phạm Thị Bích C, sinh năm 1977; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự lần nào và chưa bị xử lý vi phạm hành chính lần nào; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

+ Nguyễn Minh V (I), sinh ngày 14-8-1999, tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Tổ V1, khu phố V2, thị trấn V3, huyện T4, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Phụ giúp gia đình; trình độ văn hóa: 8/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự lần nào và chưa bị xử lý vi phạm hành chính lần nào; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

- Bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

Châu Thanh P, sinh ngày 20-7-1999, tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp P1, xã T3, huyện T4, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Châu Văn P2, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1977; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự lần nào và chưa bị xử lý vi phạm hành chính lần nào; bị cáo tại ngoại; Tòa án không triệu tập.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lâm Văn T và Nguyễn Minh V:* Ông Phạm Văn R, Luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên R1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị hại:* Nguyễn Văn N, sinh ngày 10-01-2001; cư trú tại: Tổ N1, ấp N2, xã N3, huyện T4, tỉnh Tây Ninh; có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*

+ Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1972 (cha ruột);

+ Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1977 (mẹ ruột);

Cùng cư trú tại: Tổ N1, ấp N2, xã N3, huyện T4, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị G là ông Nguyễn Văn E; theo giấy ủy quyền ngày 17-8-2017; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn dân sự:* (Tòa không triệu tập)

+ Ông Lâm Văn B, sinh năm 1976;

+ Bà Phạm Thị Bích C, sinh năm 1977;

Cùng cư trú tại: Tổ T1, ấp T2, xã T3, huyện T4, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lâm Văn T, Nguyễn Minh V và Nguyễn Văn N có mối quan hệ quen biết với nhau từ trước. Vào đêm 14-8-2017, T bị N đánh do hiểu lầm. Ngày hôm sau, T rủ V và P tìm đánh N để trả thù. Khoảng 8 giờ ngày 15-8-2017, T điều khiển xe mô-tô, biển số 70DB-022.48, đến nhà P rủ P đi uống nước rồi kể cho P nghe sự việc bị N đánh đồng thời T rủ P tìm N để đánh, P đồng ý. T chở P đến nhà của V, tại đây cả ba thống nhất cùng nhau đến Trường Trung học phổ thông T4 (nơi N đang học) tìm N đánh. Trước khi đi, V hỏi T có mang theo hung khí không; T trả lời trong nhà có gì mang theo cái đó; V vào trong nhà lấy một con dao (dài 37 cm, lưỡi bằng kim loại dài 27 cm, rộng 4,3 cm, cán dao bằng nhựa màu đen, dài 10 cm, có một mép sắc bén) đưa cho T cất vào trong áo khoác; rồi tất cả đi bằng xe của T đến quán nước của chị Lê Thị Ánh K bán nước trước cổng trường nơi N đang học.

Khi đến cổng trường, T đưa con dao cho P cất giữ và T đi vào trong trường tìm người quen dàn xếp trước để khi T đánh N thì sẽ không ai can ngăn, nhưng T không tìm thấy người quen. T hỏi thăm thì được biết N đã về nhà nên P đưa con dao lại cho T cất giữ. Sau đó, V điều khiển xe mô-tô chở T và P đi về. Trên đường đi về thì có Bùi Văn M, điện thoại cho V rủ đến quán nước của chị K trước cổng trường uống nước. V hỏi thăm M và biết được N đang ở tại quán, cả ba quay lại quán của chị K.

Khi tới quán nước, T đi vào trước, V đi theo sau, còn P thì đứng gần xe mô-tô, T vào gặp N, hai bên lời qua tiếng lại với nhau, T dùng tay đánh vào mặt của N một cái, sau đó T lấy con dao trong tay áo ra cầm trên tay phải chém một cái, N đưa tay lên đỡ nên trúng vào tay phải của N gây thương tích, N bỏ chạy vào trong quán; T và V đuổi theo sau, T trở bề sòng dao lại chém trúng vào lưng N nhiều cái (nhưng không gây thương tích), N chạy ra ngoài; V chạy theo cầm dép đánh N nhưng không kịp; N chạy ngược ra ngoài thì bị P dùng tay ôm và đẩy vào trong quán nước, T tiếp tục đuổi theo để chém, lúc này có nhiều người can ngăn nên T, V, P ra xe đi về và cất giấu con dao tại nhà V. Sau đó, T đến Công an thị trấn V3 đầu thú. N được đưa đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tây Ninh cấp cứu và điều trị đến ngày 21-8-2017 ra viện.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 172/2017/TgT ngày 20-9-2017 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Tây Ninh đối với Nguyễn Văn N, kết luận: *“01 vết sẹo mu bàn tay phải, kích thước (9 x 0,1 cm) lành tốt, bờ sắc gọn, đứt gân duỗi ngón III, IV, V và đứt bán phần gân duỗi ngón II, gân duỗi cổ tay trụ đã điều trị, hiện tại ảnh hưởng đến động tác gấp duỗi ngón tay mức độ ít”*. Căn cứ Thông tư số: 20/2014/TT-BYT, ngày 12-6-2014, tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn N do thương tích gây nên hiện tại là 12%. Vết sẹo mu bàn tay phải bờ sắc gọn phù hợp với vật sắc gây ra.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 09/2018/HS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Lâm Văn T, Nguyễn Minh V (I), Châu Thanh P phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lâm Văn T, 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh V (I) 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Châu Thanh P 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 15-3-2018.

Giao bị cáo P cho Ủy ban nhân dân xã T3, huyện T4, tỉnh Tây Ninh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách; gia đình bị cáo P có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T3 trong việc giám sát, giáo dục bị cáo P.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018, bị cáo Lâm Văn T và bị cáo Nguyễn Minh V có đơn kháng cáo, nội dung yêu cầu được hưởng án treo, với những lý do sau:

+ Trước khi phạm tội, bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương; sống hòa nhã với bạn bè, xóm giềng;

+ Sự việc xảy ra cũng do một phần lỗi của bị hại vì bị hại có hành vi bạo lực với bị cáo vào ngày 14-8-2017;

+ Bị cáo đã nhận ra lỗi của mình, thật sự ăn năn, hối cải;

+ Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được Hội đồng xét xử sơ thẩm ghi nhận;

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên cũng đã đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo đồng thời bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại đã có đơn xin cho bị cáo được hưởng án treo;

+ Bản án sơ thẩm xử bị cáo 01 năm 03 tháng tù là quá nghiêm khắc.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn E có đơn kháng cáo, nội dung yêu cầu cho các bị cáo Lâm Văn T, Nguyễn Minh V được hưởng án treo, vì những lý do sau: Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ; sự việc xảy ra cũng do một phần lỗi của bị hại; các bị cáo đã đến thăm hỏi, động viên và bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại; các bị cáo đã thật sự ăn năn, hối cải.

Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn E giữ nguyên nội dung kháng cáo;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lâm Văn T, Nguyễn Minh V và bị hại Nguyễn Văn N, người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn E; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Lâm Văn T và Nguyễn Minh V trình bày: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận tội lỗi, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ. Nguyên nhân xảy ra vụ án có một phần lỗi của bị hại nên bị cáo T rú rề bị cáo V, P cùng tham gia đánh trả thù. Sau khi T chém cái thứ nhất bằng bẽ lưỡi, sau đó đã trở bẽ sông để chém tiếp chứng tỏ bị cáo đã có chuyển biến về tâm lý (đe dọa bị hại). Các bị cáo có tác động gia đình bồi thường xong, lần đầu phạm tội, chưa có tiền án tiền sự, đã ăn năn hối cải; bị cáo T là người dưới 18 tuổi, gia đình có công với cách mạng; trong giai đoạn xét xử phúc thẩm bị hại đã rút yêu cầu khởi tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 01/2013/NQ-HĐTP, ngày 06 tháng 11 năm 2013 hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự về án treo để chấp nhận theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lâm Văn T, Nguyễn Minh V và bị hại Nguyễn Văn N, người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn E.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

+ Bị cáo Lâm Văn T: Bị cáo đã ăn năn hối cải, xin được giảm nhẹ hình phạt, phụ giúp gia đình; xin lỗi bị hại.

+ Bị cáo Nguyễn Minh V: Xin được giảm nhẹ hình phạt, phụ giúp gia đình, trở thành người tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Xét các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đều hợp pháp. Tại phiên tòa P thẩm, bị cáo T, V và bị hại, đại diện hợp pháp cho bị hại đều xác định trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án tại cấp sơ thẩm không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm.

[2] Về nội dung:

2.1. Do có mâu thuẫn trước đó, sáng ngày 15-8-2017 T đến nhà P, V để rủ tìm N trả thù. Cả ba thống nhất cùng đến Trường Trung học phổ thông T4 (nơi N đang học) để tìm N. Tại quán nước của chị Lê Thị Ánh K (trước cổng trường), T đi vào trước, V đi theo sau, còn P thì đứng gần xe mô-tô; khi T vào gặp N, hai bên lời qua tiếng lại với nhau, T dùng tay đánh vào mặt của N một cái, sau đó dùng con dao (do V chuẩn bị sẵn cho T trước đó) chém N 01 cái; N đưa tay lên đỡ nên trúng vào tay phải của N gây thương tích 12 %; N bỏ chạy vào trong quán; T và V đuổi theo sau; T trở bệ sống dao lại chém trúng vào lưng N nhiều cái nhưng không gây thương tích; N chạy ra ngoài, V chạy theo cầm dép đánh N nhưng không kịp; N chạy ngược ra ngoài thì bị P dùng tay ôm và đẩy vào trong quán nước; T tiếp tục đuổi theo để chém nhưng do có nhiều người can ngăn nên cả ba bỏ về.

2.2. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Lâm Văn T, Nguyễn Minh V (I), Châu Thanh P về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng tội.

2.3. Vụ án mang tính chất nghiêm trọng (đồng phạm giản đơn). Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, có dùng hung khí nguy hiểm, có tính chất côn đồ; đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác làm mất sức lao động 12%, nên cần nghiêm trị.

[3] Xét tính chất và mức độ phạm tội của từng bị cáo:

3.1. Lâm Văn T: Vì muốn trả thù N, nên mặc dù bị cáo nhỏ tuổi hơn V, P nhưng bị cáo đã chủ động rủ rê V, P cùng tham gia vào vụ án. Chính bị cáo là người trực tiếp dùng dao chém bị hại nhiều cái, gây mất sức lao động 12%. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự chính trong vụ án.

3.2. Nguyễn Minh V: Được T rủ rê tham gia vào vụ án; lẽ ra bị cáo là người đã thành niên bị cáo phải khuyên ngăn nhưng lại đồng ý và lấy hung khí giao cho T sử dụng vào việc thực hiện tội phạm; bị cáo đã cùng T tìm bị hại để đánh, cùng đuổi theo bị hại và có cầm dép đuổi đánh N nhưng không kịp. Mức độ phạm tội của bị cáo gây ra cao hơn bị cáo P.

3.3. Châu Thanh P: Được T rủ rê tham gia vào vụ án; cùng với T, V đi tìm N để đánh; trong lúc đánh nhau P có ôm N lại và đẩy vào trong quán nước, tạo điều kiện cho T đuổi theo để chém. Mức độ phạm tội của bị cáo thấp nhất trong đồng phạm.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lâm Văn T, Nguyễn Minh V và bị hại Nguyễn Văn N, người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn E:

4.1. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cả ba bị cáo đều không có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: bồi thường thiệt hại xong; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn xin giảm nhẹ, đề nghị cho các bị cáo được hưởng án treo.

4.2. Riêng bị cáo T, sau khi phạm tội có ra Công an thị trấn Châu Thành đầu thú; tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T chỉ mới 17 tuổi 7 tháng, thuộc trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội nên sự nhận thức còn hạn chế; bị cáo có nhân thân tốt, có ông nội là Lâm Văn L là người có công với cách mạng được tặng thưởng huy chương; bị hại có một phần lỗi do ngày trước đánh bị cáo.

4.3. Tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: *“1. Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật khi người phạm tội có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật này. 2. Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng không bắt buộc phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật đối với người phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể”* và khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 quy định mức phạt: *“Cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”*.

[5] Do đó, khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015); quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng được quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015) và áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định tại Điều 69 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (Điều 91 của Bộ luật Hình sự năm 2015); đã xử phạt bị cáo T, bị cáo V mỗi bị cáo 01 năm 03 tháng tù là có phần nghiêm khắc.

[6] Hơn nữa, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo T, V kháng cáo cho rằng mức xử phạt 01 năm 03 tháng tù là nặng; đồng thời bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn E cũng có đơn kháng cáo xin cho bị cáo T, V được hưởng án treo; đến ngày 04-5-2018 ông Nguyễn Văn E tiếp tục gửi đơn xin rút yêu cầu khởi tố vụ án đối với các bị cáo; nhưng do các bị cáo bị xử theo khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) nên Tòa án cấp P thẩm không thể miễn trách nhiệm hình sự được, nhưng điều này thể hiện thiện chí tốt đẹp của bên bị hại trong việc hàn gắn lại tình cảm.

[7] Mặt khác, tại khoản 1 Điều 91 của BLHS năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thì *“Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội...”*.

[8] Do đó, để vừa răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội, vừa thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật nhằm giúp đỡ, giáo dục bị cáo sửa chữa sai lầm, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo T, V và chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn N và người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn E; giảm cho hai bị cáo T, V một phần mức án trong khung hình phạt liền kề.

[9] Ngoài ra, trong vụ án này còn có bị cáo Châu Thanh P mặc dù không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nhưng thấy rằng mức án 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị

cáo là nặng, không đúng tinh thần cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo bởi lẽ trong vụ án này bị cáo P chỉ là người giúp sức, có vai trò không đáng kể, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) lại bị xử mức án cao hơn hai bị cáo T, V là không phù hợp. Tại Điều 58 của BLHS năm 2015 quy định: *“Khi quyết định hình phạt đối với những người đồng phạm, Tòa án phải xét đến tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm...”*. Từ đó, Tòa án cấp P thẩm có cơ sở giảm một phần hình phạt cho cả bị cáo P tuy không có kháng cáo, kháng nghị cho đúng với quy định tại khoản 3 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại khoản 3 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định: *“3. Trường hợp có căn cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm có thể sửa bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều này cho những bị cáo không kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị”*.

[10] Tóm lại: Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lâm Văn T, bị cáo Nguyễn Minh V, bị hại Nguyễn Văn N và người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn E; chấp nhận một phần đề nghị của người bào chữa cho hai bị cáo T, V; không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; sửa bản án sơ thẩm.

[11] Về án phí: Do chấp nhận một phần kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí P thẩm theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lâm Văn T và bị cáo Nguyễn Minh V;

3. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn N và của người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn E.

4. Sửa Bản án Hình sự sơ thẩm số: 09/2018/HS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

5. Tuyên bố: Các bị cáo Lâm Văn T, Nguyễn Minh V (I), Châu Thanh P phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

6. Áp dụng khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Lâm Văn T 01 (một) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

7. Áp dụng khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh V (i) 01 (một) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

8. Áp dụng khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Châu Thanh P 09 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 15-3-2018.

9. Giao bị cáo P cho Ủy ban nhân dân xã T3, huyện T4, tỉnh Tây Ninh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách; gia đình bị cáo P có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Ninh Điền trong việc giám sát, giáo dục bị cáo P.

10. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

11. Về án phí hình sự P thẩm: Bị cáo Lâm Văn T, bị cáo Nguyễn Minh V, bị hại Nguyễn Văn N và người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn E không phải chịu.

12. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị P thẩm.

13. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 (TANDTC);
- VKSND. TTN;
- TAND. huyện Châu Thành;
- Công an huyện Châu Thành ;
- Chi cục THADSH. Châu Thành ;
- Phòng lý lịch STP. TTN;
- Phòng KTNV. TATTN;
- UBND xã Ninh Điền;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án HSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Văn Triển

